

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA
Mã chứng khoán : HSA
Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 14 tòa nhà Zen Tower, Số 12 đường Khuất Duy Tiên, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : (024) 3537 9671
Người công bố thông tin : LÃ GIANG TRUNG
Địa chỉ : Tầng 14 tòa nhà Zen Tower, Số 12 đường Khuất Duy Tiên, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : (024) 3537 9671
Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ Bất thường
 Theo yêu cầu Định kỳ
Nội dung thông tin công bố : Công bố thông tin về Đính chính BCTC đã được kiểm toán của Công ty năm 2019

Thông tin này đã được công bố vào ngày 23/01/2024 trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://hestia.vn/>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

***Tài liệu đính kèm:**

Công văn đính chính nội dung trong BCTC kết thúc ngày 31/12/2019 đã kiểm toán.

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Tổng Giám đốc



LÃ GIANG TRUNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2023

Số: 528 /CV-AASCS

V/v. Đính chính BCTC kiểm toán.

Kính gửi: - Công ty Cổ phần Hestia,
- Các bên có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đính chính thông tin được trình bày trên các báo cáo tài chính đã được kiểm toán số 745/BCKT-TC/2023/AASCS, số 476/BCKT-TC/2023/AASCS, số 747/BCKT-TC/2023/AASCS, số 748/BCKT-TC/2023/AASCS cùng ngày 16/11/2023 về báo cáo tài chính các năm 2019, 2020, 2021, 2022 của Công ty Cổ phần Hestia (HSA) như sau.

- Tại đoạn “Cơ sở của ý kiến ngoại trừ” trên trang 5 của Báo cáo kiểm toán độc lập số 745/BCKT-TC/2023/AASCS ngày 16/11/2023:

Nội dung trước đính chính	Nội dung sau khi đính chính
Đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HTKD/HSA-LGT ngày 26/04/2019 ký kết với Bên liên quan (được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê duyệt) có số dư tại ngày 31/12/2019 là 61.373.770.000 đồng, tại thời điểm kết thúc niên độ bên nhận góp vốn cũng chưa có Báo cáo kết quả Hợp đồng hợp tác kinh doanh để các bên phân chia lợi nhuận.	Đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HTKD/HSA-LGT ngày 26/04/2019 ký kết với Bên liên quan có số dư tại ngày 31/12/2019 là 61.373.770.000 đồng; tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán 31/12/2019 bên nhận góp vốn chưa có Báo cáo kết quả Hợp đồng hợp tác kinh doanh để các bên phân chia lợi nhuận, do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

- Tại đoạn “Cơ sở của ý kiến ngoại trừ” trên trang 5 của Báo cáo kiểm toán độc lập số 746/BCKT-TC/2023/AASCS ngày 16/11/2023:

Nội dung trước đính chính	Nội dung sau khi đính chính
Đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HTKD/HSA-LGT ngày 26/04/2019 ký kết với Bên liên quan (được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê duyệt) có số dư tại ngày 31/12/2020 là 70.160.985.000 đồng, tại thời điểm kết thúc niên độ bên nhận góp vốn cũng chưa có Báo cáo kết quả Hợp đồng hợp tác kinh doanh để các bên phân chia lợi nhuận.	Đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HTKD/HSA-LGT ngày 26/04/2019 ký kết với Bên liên quan có số dư tại ngày 31/12/2020 là 70.169.985.000 đồng; tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán 31/12/2020 bên nhận góp vốn chưa có Báo cáo kết quả Hợp đồng hợp tác kinh doanh để các bên phân chia lợi nhuận, do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

- Tại đoạn “Cơ sở của ý kiến ngoại trừ” trên trang 5 của Báo cáo kiểm toán độc lập số 747/BCKT-TC/2023/AASCS ngày 16/11/2023:

Nội dung trước đính chính	Nội dung sau khi đính chính
<p>- Công ty cho 66 cổ đông mượn tiền không tính lãi suất, với tài sản đảm bảo là cổ phần sở hữu của các cổ đông này. Số dư tại thời điểm 31/12/2021 là 99.807.113.958 đồng (Chi tiết tại Thuyết minh V.4). Việc Công ty cho cổ đông mượn tiền này là chưa phù hợp với quy định tại Điều 26, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.</p> <p>- Đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HTKD/HSA-LGT ngày 26/04/2019 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2020/HTKD-LGT ngày 28/07/2020 ký kết với Bên liên quan (được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê duyệt) có số dư tại ngày 31/12/2021 là 164.690.645.000 đồng, tại thời điểm kết thúc niên độ bên nhận góp vốn cũng chưa có Báo cáo kết quả Hợp đồng hợp tác kinh doanh để các bên phân chia lợi nhuận.</p>	<p>- Công ty cho 66 cổ đông mượn tiền không tính lãi suất, với tài sản đảm bảo là cổ phần sở hữu của các cổ đông này. Số dư tại thời điểm 31/12/2021 là 99.807.113.958 đồng (Chi tiết tại Thuyết minh V.4). Việc Công ty cho cổ đông mượn tiền này là chưa phù hợp với quy định tại Điều 293, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>- Đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HTKD/HSA-LGT ngày 26/04/2019 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2020/HTKD-LGT ngày 28/07/2020 ký kết với Bên liên quan có số dư tại ngày 31/12/2021 là 164.690.645.500 đồng chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua là chưa tuân thủ quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ (đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 mới được phê duyệt); tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán 31/12/2021 bên nhận góp vốn cũng chưa có Báo cáo kết quả Hợp đồng hợp tác kinh doanh để các bên phân chia lợi nhuận, do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.</p>

- Tại đoạn “Cơ sở của ý kiến ngoại trừ” trên trang 5 của Báo cáo kiểm toán độc lập số 748/BCKT-TC/2023/AASCS ngày 16/11/2023:

Nội dung trước đính chính	Nội dung sau khi đính chính
<p>- Công ty cho 66 cổ đông mượn tiền không tính lãi suất, với tài sản đảm bảo là cổ phần sở hữu của các cổ đông này. Số dư tại thời điểm 31/12/2022 là 86.712.193.958 đồng (Chi tiết tại Thuyết minh V.4). Việc Công ty cho cổ đông mượn tiền này là chưa phù hợp với quy định tại Điều 26, Nghị định</p>	<p>- Công ty cho 66 cổ đông mượn tiền không tính lãi suất, với tài sản đảm bảo là cổ phần sở hữu của các cổ đông này. Số dư tại thời điểm 31/12/2022 là 86.712.193.958 đồng (Chi tiết tại Thuyết minh V.4). Việc Công ty cho cổ đông mượn tiền này là chưa phù hợp với quy định tại Điều 293, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của</p>

<p>71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.</p> <p>- Đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HTKD/HSA-LGT ngày 26/04/2019 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2020/HTKD-LGT ngày 28/07/2020 ký kết với Bên liên quan (được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê duyệt), có số dư tại ngày 31/12/2022 là 196.976.232.002 đồng, tại thời điểm kết thúc niên độ bên nhận góp vốn cũng chưa có Báo cáo kết quả Hợp đồng hợp tác kinh doanh để các bên phân chia lợi nhuận.</p>	<p>Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>- Đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HTKD/HSA-LGT ngày 26/04/2019 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2020/HTKD-LGT ngày 28/07/2020 ký kết với Bên liên quan có số dư tại ngày 31/12/2022 là 196.976.232.002 đồng chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua là chưa tuân thủ quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ (đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 mới được phê duyệt); tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán 31/12/2022 bên nhận góp vốn cũng chưa có Báo cáo kết quả Hợp đồng hợp tác kinh doanh để các bên phân chia lợi nhuận, do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.</p>
---	---

Văn bản đính chính này được đính kèm với các Báo cáo kiểm toán số 745/BCKT-TC/2023/AASCS, số 476/BCKT-TC/2023/AASCS, số 747/BCKT-TC/2023/AASCS, số 748/BCKT-TC/2023/AASCS cùng ngày 16/11/2023 về báo cáo tài chính các năm 2019, 2020, 2021, 2022 của Công ty Cổ phần Hestia (HSA).

Trân trọng kính chào!

Công ty Cổ phần Hestia
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lã Giang Trung

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn TCKT
Và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
TỔNG GIÁM ĐỐC



Phùng Ngọc Toàn



Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5943 - 3820 5944; Fax: (028) 3820 5942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	07 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
- Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hestia (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hestia được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0106459724 đăng ký lần đầu ngày 19/02/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 14/05/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 78.727.270.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2019 : 78.727.270.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 14 Tòa nhà Zen Tower, số 12 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kiểm toán);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn thực phẩm, đồ uống, tổng hợp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Dịch vụ ăn uống khác; Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kiểm toán); Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp; Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh chứng khoán.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:	<i>Không có</i>				
Công ty liên kết:	<i>Không có</i>				
Cơ sở đồng kiểm soát:	<i>Không có</i>				

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân:

Không có

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2019 lài 24.033.695.495 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2018 lợi nhuận sau thuế lỗ 45.888.731.063 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2019 âm 8.805.421.787 VND (Tại thời điểm 31/12/2018 lợi nhuận chưa phân phối âm 32.496.806.864 VND).

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị

Ông	Lã Giang Trung	Chủ tịch	
Bà	Trần Phương Dung	Thành viên	
Ông	Nguyễn Quang Tâm	Thành viên	
Ông	Nguyễn Đức Khang	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 22/04/2019)
Bà	Trần Hoàng Thanh Thảo	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 22/04/2019)
Bà	Nguyễn Thị Hồng Hậu	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 22/04/2019)
Ông	Chu Minh Cường	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 22/04/2019)

Ban Giám đốc

Ông	Lã Giang Trung	Tổng Giám đốc	
Ông	Nguyễn Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 09/07/2019)

Ban Kiểm soát

Bà	Đỗ Thị Hằng	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 22/04/2019)
Bà	Trần Thị Hiền	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 28/02/2019)
Bà	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Thành viên	
Bà	Phan Thị Như Mai	Thành viên	

Kế toán trưởng

Ông	Đoàn Ngọc Hiệp		(Bổ nhiệm ngày 26/08/2020)
Bà	Trần Thị Hiền		(Bổ nhiệm ngày 15/03/2019)
			(Miễn nhiệm ngày 26/08/2020)

Đại diện pháp luật

Ông	Lã Giang Trung	Tổng Giám đốc
-----	----------------	---------------

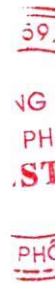
Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:



- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hestia phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

TP. Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2023

TM. Ban Giám đốc



Lã Giang Trung
Tổng Giám đốc

Số: 745 /BCKT-TC/2023/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hestia, được lập ngày 26/03/2020, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Trong năm 2019, Công ty cho 66 cổ đông mượn tiền không tính lãi suất, với tài sản đảm bảo là cổ phần sở hữu của các cổ đông này. Tổng giá trị giao dịch phát sinh trong năm là 139.492.058.424 đồng, số dư tại thời điểm 31/12/2019 là 158.573.877.307 đồng (Chi tiết tại Thuyết minh V.5). Việc Công ty cho cổ đông mượn tiền này là chưa phù hợp với quy định tại Điều 26, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

- Đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HTKD/HSA-LGT ngày 26/04/2019 ký kết với Bên liên quan (được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê duyệt) có số dư tại ngày 31/12/2019 là 61.373.770.000 đồng, tại thời điểm kết thúc niên độ bên nhận góp vốn cũng chưa có Báo cáo kết quả Hợp đồng hợp tác kinh doanh để các bên phân chia lợi nhuận.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hestia tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ và có đoạn Vấn đề cần nhấn mạnh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2023

Kiểm toán viên



PHÙNG VĂN THẮNG

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0650-2023-142-1

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

Phó Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ TUYẾT

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0642-2023-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		210.140.250.623	241.784.875.410
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.875.303.541	97.508.942.490
Tiền	111	V.1	246.213.519	14.937.275.086
Các khoản tương đương tiền	112	V.1	1.629.090.022	82.571.667.404
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		48.450.151.055	120.804.533.234
Chứng khoán kinh doanh	121	V.4	50.765.204.743	6.340.358.505
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.4	(2.315.053.688)	(305.825.271)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.4	-	114.770.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		159.189.478.455	22.955.188.364
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.2	465.885.921	375.593.076
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	158.573.877.307	19.081.809.883
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	149.715.227	3.497.785.405
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
Hàng tồn kho	141		-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		625.317.572	516.211.322
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	68.400.000	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.10.	-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10.	556.917.572	516.211.322
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.430.055.534	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		61.373.770.000	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.6	61.373.770.000	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.4	-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		56.285.534	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	56.285.534	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		271.570.306.157	241.784.875.410

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.044.338.337	14.950.292.667
I. Nợ ngắn hạn	310		21.044.338.337	14.950.292.667
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.	29.396.000	4.950.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10.	-	35.451.980
Phải trả người lao động	314		864.919	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11.	339.163.227	806.850.748
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12.	1.378.023.034	124.587.880
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.8	19.296.891.157	13.978.452.059
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	V.11.	-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.12.	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.8	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		250.525.967.820	226.834.582.743
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	250.525.967.820	226.834.582.743
Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.13	78.727.270.000	78.727.270.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.13	78.727.270.000	78.727.270.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412	V.13	180.604.119.607	180.604.119.607
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.13	(8.805.421.787)	(32.496.806.864)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(32.839.117.282)	13.391.924.199
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.033.695.495	(45.888.731.063)



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		271.570.306.157	241.784.875.410

Người lập biểu



LÊ THỊ SAO

Kế toán trưởng



ĐOÀN NGỌC HIỆP

Lập, ngày 14 tháng 11 năm 2023

Tổng Giám đốc



LÀ GIANG TRUNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	-	20.000.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		-	20.000.000
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	-	12.000.000
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	8.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	35.235.382.840	50.917.054.669
Chi phí tài chính	22	VI.5	14.417.548.040	89.444.134.150
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.615.485.824	4.984.234.012
Chi phí bán hàng	25	VI.8	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	1.056.119.571	7.450.596.528
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		19.761.715.229	(45.969.676.009)
Thu nhập khác	31	VI.6	4.314.400.696	2.712.624.184
Chi phí khác	32	VI.7	42.420.430	2.631.679.238
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.271.980.266	80.944.946
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		24.033.695.495	(45.888.731.063)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		24.033.695.495	(45.888.731.063)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	3.053	(8.713)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	3.053	(8.223)

Lập, ngày 14 tháng 11 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





LÊ THỊ SAO

ĐOÀN NGỌC HIỆP

LÊ GIANG TRUNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		218.153.424.437	540.535.578.612
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(240.419.461.747)	(389.710.464.741)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(372.125.540)	(4.021.132.356)
Tiền lãi vay đã trả	04		(1.276.322.597)	(4.177.383.264)
Thuế TNDN đã nộp	05		-	(2.168.021.514)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		450.062.302	3.739.488.057
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(192.876.392)	(78.642.087.542)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(23.657.299.537)	65.555.977.252
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.188.359.325.955)	(1.006.995.891.855)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.102.303.626.435	873.144.081.972
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.623.197.626	4.742.082.798
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(81.432.501.894)	(129.109.727.085)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		65.069.232.879	476.460.854.390
Tiền trả nợ gốc vay	34		(55.613.070.397)	(328.365.533.993)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.456.162.482	148.095.320.397
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(95.633.638.949)	84.541.570.564
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	97.508.942.490	12.967.371.926
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	1.875.303.541	97.508.942.490

CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

Tầng 14 Tòa nhà Zen Tower, số 12 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Lập, ngày 14 tháng 11 năm 2023

Người lập biểu



LÊ THỊ SAO

Kế toán trưởng



ĐOÀN NGỌC HIỆP

Tổng Giám đốc



LÀ GIANG TRUNG



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hestia được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0106459724 đăng ký lần đầu ngày 19/02/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 14/05/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 78.727.270.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2019 : 78.727.270.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 14 Tòa nhà Zen Tower, số 12 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Số lượng CB-CNV của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 07 người (tại ngày 31/12/2018 là 16 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kiểm toán);

- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn thực phẩm, đồ uống, tổng hợp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Dịch vụ ăn uống khác; Dịch vụ phục vụ đồ uống;

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kiểm toán); Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp; Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh chứng khoán.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
	<i>Không có</i>				
Công ty liên kết:					
	<i>Không có</i>				

Cơ sở đồng kiểm soát:*Không có***Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân:***Không có***II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.



- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

7. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi kinh doanh chứng khoán và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp; doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

b. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

11. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

12. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.



V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	55.403.000	10.402.246
- Tiền gửi ngân hàng	190.810.519	14.926.872.840
+ <i>Tiền gửi (VND)</i>	<i>190.810.519</i>	<i>14.926.872.840</i>
- Các khoản tương đương tiền	1.629.090.022	82.571.667.404
+ <i>Tiền gửi có kỳ hạn (dưới 3 tháng VND)</i>	<i>1.629.090.022</i>	<i>82.571.667.404</i>
Cộng	<u>1.875.303.541</u>	<u>97.508.942.490</u>

2 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn		
Trả trước cho các bên khác	465.885.921	375.593.076
Công ty CP Chứng khoán Bản Việt - Chi nhánh Hà Nội	55.000.000	55.000.000
Công ty TNHH Grabtaxi	80.866.190	80.866.190
Đối tượng khác	330.019.731	239.726.886
Cộng	<u>465.885.921</u>	<u>375.593.076</u>



4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

4.1. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc
- Tổng giá trị cổ phiếu	50.765.204.743	48.450.151.055	(2.315.053.688)	6.340.358.505
+ Công ty CP Đầu tư Thế giới Di động (MWG)	37.310.859.693	37.310.859.693	-	1.167.749
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	-	-	-	165.825
+ Tổng Công ty CP May Việt Tiến (VGG)	-	-	-	4.161.526.141
+ Công ty CP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (NSC)	-	-	-	2.009.401.006
+ Công ty CP Thế Giới Số (DGW)	1.557.175.955	1.530.420.000	(26.755.955)	-
+ Công ty CP Vicostone (VCS)	11.783.213.418	9.535.212.300	(2.248.001.118)	-
+ Các Công ty khác	113.955.677	73.659.062	(40.296.615)	168.097.784
Cộng	50.765.204.743	48.450.151.055	(2.315.053.688)	6.340.358.505
				6.034.533.234
				(305.825.271)

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (trên 3 tháng)			114.770.000.000	114.770.000.000
- Trái phiếu			-	-
- Các khoản đầu tư khác			-	-
Cộng			114.770.000.000	114.770.000.000

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
5.1. Ngắn hạn		
- Các cổ đông của Công ty (*)	158.573.877.307	19.081.809.883
Cộng	<u><u>158.573.877.307</u></u>	<u><u>19.081.809.883</u></u>

Ghi chú:

(*) Các hợp đồng cho mượn tiền là cổ đông của Công ty, không tính lãi suất, tài sản đảm bảo là cổ phần sở hữu của các cổ đông trong Công ty (gồm có 66 cổ đông).

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Ngắn hạn				
- Tạm ứng	-	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	40.000.000	-	568.084.990	-
- Phải thu người lao động	-	-	78.704.436	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	17.773.588	-
- Phải thu khác	109.715.227	-	2.833.222.391	-
+ Phải thu về lãi tiền gửi	14.548.192	-	2.833.222.391	-
+ Đối tượng khác	95.167.035	-	-	-
Cộng	<u><u>149.715.227</u></u>	<u>-</u>	<u><u>3.497.785.405</u></u>	<u>-</u>
Dài hạn				
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	61.373.770.000	-	-	-
- Phải thu cổ tức	-	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
Cộng	<u><u>61.373.770.000</u></u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Ghi chú:

(*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HTKD/HSA-LGT ngày 26/04/2019 giữa Công ty CP Hestia và ông Lã Giang Trung với mục đích đầu tư kinh doanh. Thời hạn hợp tác là 8 năm kể từ ngày 26/04/2019 đến ngày 25/04/2027.

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
7.1. Ngắn hạn		
- CCDC xuất dùng	-	-
- Chi phí mua bảo hiểm	-	-
- Chi phí đi vay	-	-
- Chi phí khác	68.400.000	-
Cộng	68.400.000	-
7.2. Dài hạn		
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
- Chi phí mua bảo hiểm	-	-
- CCDC xuất dùng	43.909.270	-
- Chi phí khác	12.376.264	-
Cộng	56.285.534	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

Tầng 14 Tòa nhà Zen Tower, số 12 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**8 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH****8.1. Ngắn hạn****a. Vay và nợ thuế tài chính****Vay tổ chức:**

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	17.834.301.157	17.834.301.157	64.834.037.179	46.999.736.022	-	-
Vay cá nhân:	1.462.590.000	1.462.590.000	235.195.700	12.636.985.759	13.978.452.059	13.978.452.059
Cộng	19.296.891.157	19.296.891.157	65.069.232.879	59.636.721.781	13.978.452.059	13.978.452.059

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số/ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
Hợp đồng vay số 196/2018/HĐVT ngày 12/02/2018	Nguyễn Hữu Cường	12 tháng		142.800.000	Không có tài sản đảm bảo
Hợp đồng vay số 404/2018/HĐVT ngày 04/04/2018	Lê Anh Tú	12 tháng		202.660.000	Không có tài sản đảm bảo
Hợp đồng vay số 464/2018/HĐVT ngày 13/04/2018	Nguyễn Thu Trang	12 tháng		36.270.000	Không có tài sản đảm bảo
Hợp đồng vay số 460/2018/HĐVT ngày 13/04/2018	Mai Thanh Hoa	12 tháng		129.550.000	Không có tài sản đảm bảo
Hợp đồng vay số 488/2018/HĐVT ngày 18/04/2018	Hoa Hữu Ngân	12 tháng		172.660.000	Không có tài sản đảm bảo
Hợp đồng vay số 574/2018/HĐVT ngày 18/05/2018	Nguyễn Thu Trang	12 tháng		136.380.000	Không có tài sản đảm bảo
Hợp đồng vay số 580/2018/HĐVT ngày 21/05/2018	Nguyễn Thị Lan Hương	12 tháng		48.630.000	Không có tài sản đảm bảo
Hợp đồng vay số 593/2018/HĐVT ngày 29/05/2018	Nguyễn Thị Phương Thảo	12 tháng		97.700.000	Không có tài sản đảm bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

Tầng 14 Tòa nhà Zen Tower, số 12 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Hợp đồng vay số 596/2018/HĐVT ngày 31/05/2018	Hoa Hữu Ngân	12 tháng	313.800 có phần.	50.990.000	Không có tài sản đảm bảo
Hợp đồng vay số 598/2018/HĐVT ngày 01/06/2018	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	12 tháng		194.500.000	Không có tài sản đảm bảo
Hợp đồng vay số 611/2018/HĐVT ngày 11/06/2018	Phạm Chí Thành Công	12 tháng		100.450.000	Không có tài sản đảm bảo
Hợp đồng vay số 621/2018/HĐVT ngày 06/07/2018	Đoàn Thị Vân Anh	12 tháng		150.000.000	Không có tài sản đảm bảo
Hợp đồng tín dụng số 301109/GD-VCBS ngày 06/01/2017 (kiểm tra tài khoản giao dịch ký quỹ)	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Không quá 3 tháng	10,50%	17.834.301.157	Trong thời hạn vay: Khi tỷ lệ danh mục giao dịch ký quỹ giảm thấp hơn so với tỷ lệ danh mục duy trì do VCBS quy định trong từng thời kỳ, VCBS có quyền yêu cầu khách hàng thanh toán theo thông báo gọi ký quỹ. Khi nhận thông báo gọi ký quỹ, khách hàng phải thực hiện việc bổ sung Tài sản thế chấp (bằng tiền mặt, chứng khoán hoặc tài sản khác được VCBS chấp nhận). Hoặc bán chứng khoán hoàn trả 1 phần nợ vay để tối thiểu đảm bảo tỷ lệ danh mục theo yêu cầu của VCBS trong từng thời kỳ.

Cộng**19.296.891.157**

CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIATầng 14 Tòa nhà Zen Tower, số 12 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân
Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Cung cấp Thiết bị máy văn phòng Minh Ngọc	15.994.000	15.994.000	-	-
Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000
Công ty TNHH Pasa Group	660.000	660.000	-	-
Công ty TNHH Công nghệ số Tân Phong	2.992.000	2.992.000	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ khách sạn Hoàng Vinh	4.800.000	4.800.000	-	-
Cộng	29.396.000	29.396.000	4.950.000	4.950.000

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
10.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	35.451.980	3.138.058	38.590.038	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí phải nộp	-	-	-	-
Cộng	35.451.980	7.138.058	42.590.038	-
10.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	4.726.490	-	8.448.706	13.175.196
Thuế thu nhập doanh nghiệp	511.484.832	-	-	511.484.832
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	32.257.544	32.257.544
Cộng	516.211.322	-	40.706.250	556.917.572

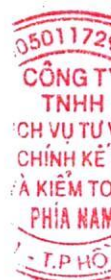
Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	339.163.227	806.850.748
- Các khoản khác	-	-
Cộng	339.163.227	806.850.748

12. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
12.1. Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	1.376.999.320	-
- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.023.714	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		124.587.880
+ <i>Đối tượng khác</i>		124.587.880
Cộng	<u><u>1.378.023.034</u></u>	<u><u>124.587.880</u></u>



CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA**Báo cáo tài chính**

Tầng 14 Tòa nhà Zen Tower, số 12 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

13 VỐN CHỦ SỞ HỮU**13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	45.808.460.000	68.139.055.384	-	-	15.216.415.104	129.163.930.488
- Tăng vốn trong năm trước	32.918.810.000	112.465.064.223	-	-	(1.820.000.000)	143.563.874.223
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(45.888.731.063)	(45.888.731.063)
- Giảm khác	-	-	-	-	(4.490.905)	(4.490.905)
Số dư đầu năm nay	78.727.270.000	180.604.119.607	-	-	(32.496.806.864)	226.834.582.743
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	24.033.695.495	24.033.695.495
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	(342.310.418)	(342.310.418)
Số dư cuối năm nay	78.727.270.000	180.604.119.607	-	-	(8.805.421.787)	250.525.967.820

13.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của công ty mẹ	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	78.727.270.000	78.727.270.000
Cộng	78.727.270.000	78.727.270.000

13.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	78.727.270.000	78.727.270.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	78.727.270.000	78.727.270.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

13.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.872.727	7.872.727
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.872.727	7.872.727
+ Cổ phiếu phổ thông	7.872.727	7.872.727
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.872.727	7.872.727
+ Cổ phiếu phổ thông	7.872.727	7.872.727
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

13.5. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

13.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

14 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

14.1. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	-	-

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	-	20.000.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	-	20.000.000

2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	-	-

3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn hàng bán	-	12.000.000
Cộng	-	12.000.000

4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.038.227.927	7.171.507.621
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.625.204.500	403.797.568
- Lãi phái sinh	4.740.698.400	4.859.890.000
- Lãi kinh doanh chứng khoán	25.831.252.013	38.481.859.480
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	35.235.382.840	50.917.054.669

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	1.615.485.824	4.984.234.012
- Lỗ kinh doanh chứng khoán	2.766.669.642	75.321.924.785
- Lỗ phái sinh	7.510.770.000	8.846.970.000
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	-
- Dự phòng tổn thất đầu tư	2.315.053.688	-
- Chi phí tài chính khác	515.394.157	891.812.082
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	(305.825.271)	(600.806.729)
+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(305.825.271)	(600.806.729)
+ Khác	-	-
Cộng	14.417.548.040	89.444.134.150

6 . THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Được bồi thường	-	-



- Phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	-	-
- Thu từ thanh lý các hợp đồng vay tiền	4.167.423.384	2.450.315.576
- Các khoản khác	146.977.312	262.308.608

Cộng 4.314.400.696 2.712.624.184

7 . CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thanh lý TSCĐ	-	-
- Các khoản tiền nộp phạt	-	25.366.171
- Thuế GTGT không được khấu trừ	42.420.430	-
- Bồi thường hợp đồng	-	2.495.068.493
- Các khoản khác	-	111.244.574

Cộng 42.420.430 2.631.679.238

8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
8.1. Chi phí bán hàng		
8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nguyên, vật liệu	-	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	267.215.232	-
- Chi phí nhân công	445.552.931	3.898.584.817
- Chi phí khấu hao	-	-
- Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.000.000
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	337.211.708	3.066.172.329
- Chi phí khác bằng tiền	2.139.700	481.839.382

Cộng 1.056.119.571 7.450.596.528

9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	267.215.232	-
- Chi phí nhân công	445.552.931	3.898.584.817
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
- Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	337.211.708	3.066.172.329
- Chi phí bằng tiền khác	2.139.700	481.839.382

Cộng 1.056.119.571 7.450.596.528

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-

Cộng - -



11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	24.033.695.495	(45.888.731.063)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	24.033.695.495	(45.888.731.063)
Quý khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.872.727	5.266.920
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.053	(8.713)

12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	24.033.695.495	(45.888.731.063)
Quý khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	313.800
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.872.727	5.266.920
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.053	(8.223)

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm nay	Năm trước
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	-
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	-
- Các giao dịch phi tiền tệ khác	-	-

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng
Không có.

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	65.069.232.879
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải	-
- Tiền thu từ giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-

4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	55.613.070.397
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-
- Tiền chi trả cho giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về các bên liên quan

1.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Chi phí của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
+ Chi phí tiền lương	145.382.600	1.332.356.000
+ Thù lao	-	-

Trong đó:

Năm 2018

Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Thù lao
Lã Giang Trung	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	740.684.000	-
Nguyễn Đức Khang	Thành viên HĐQT kiêm P.TGD	591.672.000	-
TỔNG CỘNG		1.332.356.000	-

Năm 2019

Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Thù lao
Lã Giang Trung	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	4.472.600	-
Trần Thị Hiền	Kế toán trưởng	140.910.000	-
TỔNG CỘNG		145.382.600	-

Các giao dịch khác	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
- Lã Giang Trung	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD		
+ Công ty góp vốn hợp tác kinh doanh		61.373.770.000	-
- Các cổ đông của Công ty (bao gồm 66 cổ đông)			
+ Công ty cho mượn tiền		139.728.239.079	19.081.809.883
+ Công ty nhận lại tiền mượn		236.180.655	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Các khoản phải thu:	Chức vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lã Giang Trung	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	61.373.770.000	-
- Các cổ đông của Công ty (bao gồm 66 cổ đông)		158.573.877.307	19.081.809.883

1.2. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức Không có.

2 . Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

Hiện tại hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh chứng khoán không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của

4 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Lập, ngày 14 tháng 11 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



LÊ THỊ SAO

ĐOÀN NGỌC HIỆP

LÃ GIANG TRUNG

